

TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN – ĐÀ LẠT
TỔ NGỮ VĂN

ĐỀ CƯƠNG
ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 11

PHẦN 1: MA TRẬN, ĐẶC TẢ
A. MA TRẬN

T T	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc hiểu	Kí, tùy bút hoặc tản văn	2 câu (10%)	2 câu (20%)	1 câu (10%)		5 câu (40%)
		Biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối					
2	Viết	- Viết đoạn văn nghị luận văn học	1*	1*	1*	1*	1 câu (20%)
		- Viết văn bản thuyết minh về sự vật hiện tượng trong đời sống xã hội.	1*	1*	1*	1*	1 câu (40%)
Tổng			30%	40%	20%	10%	100%
			70%		30%		

B. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức				
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng %
1	ĐỌC HIỂU	1. Kí, tùy bút, tản văn (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, cái tôi trữ tình, kết cấu của văn bản. - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu. - Nhận biết được các yếu tố tự sự và trữ tình; các yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản. - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong văn bản. Thông hiểu: - Phân tích, lí giải được ý	2	2	1		5

			nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi trữ tình, giọng điệu và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong văn bản. - Phân tích được sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình; giữa hư cấu và phi hư cấu trong văn bản. - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản. - Phân tích, lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của văn bản. - Lí giải được tính đa nghĩa của ngôn ngữ nghệ thuật trong văn bản. Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm của bản thân về cuộc sống hoặc văn học. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong văn bản. Vận dụng cao: - Đánh giá được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm của bản thân về văn học và cuộc sống. Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. - So sánh được hai văn					
--	--	--	---	--	--	--	--	--

			bản cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.					
2	LÀM VĂN	Viết bài văn thuyết minh về một sự vật hiện tượng trong đời sống xã hội.	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn thuyết minh. - Nêu được cụ thể vấn đề xã hội có liên quan đến thuyết minh. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng thuyết minh. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản thuyết minh. Thông hiểu: - Phân tích được lí do và các phương diện của vấn đề có liên quan đến đối tượng thuyết minh. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của bài thuyết minh. - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề thuyết minh. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề thuyết minh. Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để					

			tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 11 lớp để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.					
		Viết đoạn văn nghị luận phân tích một vấn đề đặt ra trong văn bản đọc hiểu.	Nhận biết: - Giới thiệu đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả của đoạn trích/tác phẩm - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một đoạn văn bản nghị luận Thông hiểu: - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm. - Nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Nêu được những bài học rút ra từ đoạn trích/tác phẩm. - Thể hiện được sự đồng tình/không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong đoạn trích/tác phẩm). Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,...để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng					

			Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.					
Tỉ lệ %				40	30	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

PHẦN 2: KIẾN THỨC CƠ BẢN

A. TRI THỨC NGŨ VĂN

BÀI: NGUYỄN DU NHỮNG ĐIỀU TRÔNG THẤY MÀ ĐAU ĐÓN LÒNG

1. Giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại Việt Nam

Trong thời trung đại, Việt Nam nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng giao thoa của hai nền văn hoá lớn là Trung Hoa và Ấn Độ. Sự phát triển của văn học Việt Nam gắn liền với việc tiếp biến nhiều thành tựu văn hoá, văn học của hai nền văn hoá này để chủ động tạo nên những giá trị có tính đặc thù, thể hiện được bản sắc văn hoá, ý thức độc lập, tự cường của dân tộc. Có thể nói đến một số phương diện chính yếu của sự giao lưu và sáng tạo trên lĩnh vực văn học như: tư tưởng, ngôn ngữ – văn tự, thể loại, chất liệu thơ văn (thể tài, cốt truyện, điển cố,...). Việc giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại Việt Nam luôn diễn ra trên nguyên tắc lựa chọn tinh hoa, chủ động “Việt hoá” các yếu tố ngoại lai để phù hợp với bản sắc và tinh thần văn hoá dân tộc.

2. Truyện thơ Nôm

Truyện thơ Nôm là loại hình tác phẩm tự sự độc đáo của văn học trung đại Việt Nam, kết hợp phương thức tự sự và trữ tình, được viết bằng chữ Nôm, chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát. Có nhiều tiêu chí phân loại truyện thơ Nôm, trong đó, tiêu chí đặc điểm nội dung và nghệ thuật được sử dụng rộng rãi. Theo tiêu chí này, có thể chia truyện thơ Nôm thành hai nhóm: truyện thơ Nôm bình dân và truyện thơ Nôm bác học. Truyện thơ Nôm bình dân phần lớn khuyết danh, tác giả là các Nho sĩ, trí thức bình dân; cốt truyện thường được lấy từ văn học dân gian hoặc từ đời sống thực tế; hình thức nghệ thuật còn thô mộc, nhưng lại có sức cuốn hút bằng vẻ đẹp bình dị, hồn nhiên. Truyện thơ Nôm bác học hầu hết có tên tác giả, là những Nho sĩ thuộc tầng lớp phong kiến quý tộc, có học vấn uyên bác; cốt truyện thường lấy từ văn học Trung Quốc hoặc mang tính tự thuật; hình thức nghệ thuật được trau chuốt, điêu luyện. Tuy nhiên, vẫn có một số tác phẩm sử dụng chưa nhuần nhuyễn chất liệu vay mượn từ văn học Trung Quốc, có lúc rơi vào tình trạng cầu kì, khó hiểu.

- Đề tài, chủ đề của truyện thơ Nôm rất rộng mở, từ tôn giáo, lịch sử, xã hội đến cuộc sống đời thường; đặt ra nhiều vấn đề bức thiết của thời đại. Trong đó, nổi bật là cảm hứng. Khẳng định tình yêu tự do và cuộc đấu tranh bảo vệ hạnh phúc gia đình; tôn vinh vẻ đẹp của người phụ nữ tố cáo, phê phán xã hội đương thời; thể hiện khát vọng công lí, công bằng...

- Trong truyện thơ Nôm, các câu chuyện thường được kể theo trình tự thời gian với nhiều yếu tố ngẫu nhiên, kì ảo và thường được tổ chức theo mô hình: Gặp gỡ – Chia li – Đoàn tụ. Song mức độ đậm, nhạt và nội dung của từng phần có sự thay đổi tùy theo chủ đề tác phẩm.

- Nhân vật của truyện thơ Nôm khá phong phú, đa dạng về thành phần: vua chúa, quan lại, công chúa, tiểu thư, người hầu, người lao động. Nho sĩ, nhà sư, nhà buôn,... Nhìn chung, nhân vật ở đây vẫn mang tính loại hình, được dựng lên nhằm khái quát các đặc điểm cố định của một số tầng lớp, loại người trong xã hội hoặc một loại phẩm chất nào đó. Các tác giả truyện thơ Nôm đã có ý thức khắc hoạ nhân vật ở cả hai phương diện: con người bên ngoài (ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động...) và con người bên trong (cảm xúc, suy nghĩ, diễn biến tâm lí,...). Bút pháp tả cảnh

ngụ tình, ngôn ngữ đối thoại, độc thoại và phần nào ngôn ngữ nửa trực tiếp đã được sử dụng thành công trong việc khám phá thế giới nội tâm và khắc họa tính cách nhân vật.

- Truyện thơ Nôm cũng là thể loại có đóng góp to lớn vào việc phát triển ngôn ngữ văn học dân tộc. Sáng tác bằng chữ Nôm, các tác giả đã nêu cao tinh thần tự hào dân tộc, phủ định quan niệm coi thường tiếng mẹ đẻ. Họ đã chứng minh rằng thứ ngôn ngữ bị xem là “quê mùa” ấy thực sự dồi dào, sinh động, có thể miêu tả từ cuộc sống dân dã, bần hàn đến cuộc sống sang trọng, xa hoa; từ nghĩa tình mộc mạc, chân chất đến những cảm xúc tinh tế, lãng mạn; từ những hình ảnh cụ thể, trần trụi của hiện thực đời sống đến những tư tưởng có tầm cao, chiều sâu... Nhiều tác giả truyện thơ Nôm đã sử dụng một cách điêu luyện thể thơ lục bát, kết hợp nhuần nhuyễn tinh hoa của ngôn ngữ bác học và ngôn ngữ bình dân.

3. Biện pháp tu từ lặp cấu trúc và biện pháp tu từ đối

Lặp cấu trúc là biện pháp tu từ sử dụng những cụm từ hoặc câu có cùng kiểu cấu trúc nhằm nhấn mạnh nội dung cần biểu đạt, tạo nhịp điệu và tăng tính nhạc cho lời văn.

Đối là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ (cùng từ loại) hoặc câu (cùng cấu trúc) sóng đôi với nhau nhằm nhấn mạnh sự tương đồng hoặc tương phản giữa các nội dung cần biểu đạt, tạo nhịp điệu và tăng vẻ đẹp cân xứng cho lời văn. Biện pháp tu từ đối có thể được thực hiện trong một câu thơ, câu văn hay trong hai câu thơ, câu văn liền kề nhau.

BÀI: GHI CHÉP VÀ TƯỜNG TƯỢNG TRONG KÍ

1. Kí

Kí là tên gọi một nhóm các thể/ tiểu loại tác phẩm văn xuôi phi hư cấu có khả năng dung hợp các phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thông tin, nhằm tái hiện những trạng thái đời sống đang được xã hội quan tâm và bộc lộ trực tiếp những cảm nghĩ của tác giả.

- Tùy vào mục đích viết, sự bộc lộ cái tôi tác giả và cách thức tổ chức các phương tiện biểu đạt mà tác phẩm kí được gọi là tùy bút, tản văn, phóng sự hay là kí sự, truyện kí hồi kí, nhật kí, du kí,...

2. Tự sự và trữ tình trong tùy bút, tản văn

- Trong tùy bút, tản văn, yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình luôn có sự kết hợp linh hoạt, tùy vào ý tưởng trung tâm được triển khai, đối tượng của sự quan sát, chiêm nghiệm và đặc điểm phong cách nghệ thuật của người viết.

- Tùy bút là tiểu loại kí có tính tự do cao, có bố cục linh hoạt, thường nghiêng hẳn tính trữ tình với điểm tựa là cái tôi của tác giả. Người viết sẽ tùy cảnh, tùy việc, tùy theo cảm hứng mà trình bày, nhận xét, đánh giá, suy tưởng,... Nếu có miêu tả, kể chuyện thì đó cũng chỉ là cái cớ để giải bày cảm xúc, suy tư trữ tình.

- Tản văn là một tiểu loại kí thường sử dụng đồng thời cả yếu tố tự sự và trữ tình có thể còn kết hợp nghị luận, miêu tả, nhằm thể hiện những rung cảm thẩm mỹ và quan sát tinh tế của tác giả về các đối tượng đa dạng trong đời sống. Cái tôi của tác giả luôn hiện diện rõ nét, nhưng việc triển khai những liên hệ, suy tưởng phần nào được tiết chế so với tùy bút.

3. Phi hư cấu và hư cấu trong truyện kí

Truyện kí là một dạng truyện kể về người thật, việc thật. Tôn trọng sự thật đời sống, đảm bảo tính xác thực của toàn bộ sự việc được kể là đòi hỏi quan trọng hàng đầu đối với các sáng tác thuộc thể loại này. Vì vậy, truyện kí được xếp vào loại văn học phi hư cấu.

Tuy nhiên, yếu tố hư cấu vẫn luôn hiện diện trong truyện kí (dù được sử dụng một cách tiết chế), thể hiện ở sự sáng tạo riêng của người viết khi xử lí, tổ chức tư liệu và lựa chọn giọng điệu, ngôn

ngữ trần thuật thích hợp. Yếu tố hư cấu còn được thể hiện qua cách người viết hình dung, miêu tả tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.

B. YÊU CẦU

1. Đọc hiểu

- Nắm chắc các tri thức Ngữ văn để vận dụng làm bài đọc hiểu.
- Vận dụng các tri thức đã học để xác định được:
 - + Cái tôi trữ tình, các yếu tố tự sự và trữ tình, các yếu tố hư cấu và phi hư cấu;
 - + Xác định và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ lập cấu trúc, biện pháp tu từ đối;
 - + Phân tích, lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết, những tác động của văn bản đến quan niệm của bản thân về cuộc sống;
 - + Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong văn bản;
 - + Nhận biết được những biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong văn bản;
 - + Xác định chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.

2. Viết

- Nắm chắc cách viết một bài văn thuyết minh về sự vật hiện tượng trong đời sống xã hội.
- Nắm chắc cách viết văn bản nghị luận về một đoạn trích/tác phẩm văn học, tìm ý, lập dàn ý, những yêu cầu khi viết.
- Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết.

PHẦN 3: ĐỀ THAM KHẢO

SỞ GD & ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN

(Đề có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025 – 2026
Môn: Ngữ văn, lớp 11

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

(1) *Nhiều lần thức giấc trong mùi hương rạo rực của ban đêm, tôi chợt phát hiện ra rằng Huế là một thành phố được dành cho cỏ. Tôi không hề có ý xúc phạm, chỉ muốn lưu ý thêm về vai trò của cỏ trong quy hoạch đô thị. Thật vậy, không nơi nào trên thế giới mà những công trình kiến trúc của con người lại mọc lên giữa cỏ hoang như ở Huế. Đà Lạt cũng được xây dựng trên những ngọn đồi; nhưng ở đây, hình tượng của cây anh đào và cây thông đã khiến người ta quên mất sự có mặt của cỏ dại.[...]*

(2) *Mùa xuân có thể định nghĩa là mùa mà toàn bộ cây nở thành hoa. Những ngọn đồi phía tây nam Huế bùng lên trong hương hoa cỏ, khiến người ta không thể ngồi yên cúi mặt lên trang sách. Hương cỏ tràn vào thành phố, như gần như xa, khiến tôi nghĩ rằng ở đâu đấy trên những sườn đồi, cánh cửa của vườn Địa Đàng đang mở ra, hoặc những nàng tiên đang múa hát dưới những gốc đào nở hoa, với mùi hương bát ngát như thể mùi tóc bay trong những chiều gió. Cỏ mọc ven những con đường trong thành phố, trên đó lưa thưa những chòm cây dại, như cây hoa ngũ sắc cười sặc sỡ dọc đường thơ ấu của tôi. Bay theo những bước chân lang thang của tôi là những con bướm, những cánh chuồn nghe ngày nắng lên tung tăng trong không gian, ghé cây này, vờn cây kia, trong một thành phố lúc nào cũng cổ xưa, vắng vắng điệu nhã nhạc của cung*

đỉnh đã hoang phế. Đã nhiều năm, tôi chợt nhận ra rằng lũ chuồn chuồn, bướm bướm của tôi đã rời thành phố này mà đi đâu biệt tăm, chắc là chúng đã tìm đến một không gian khác yên tĩnh hơn, ít bị tiếng động làm choáng đầu hơn...[...]

(3) Mùa hạ, trong những khu vườn Huế, khí đất xông lên hùng mạnh, cỏ mọc xanh lạ thường. [...]Tôi lớn lên không hề thấy bóng chim nhạn ven sông này. Chắc cũng giống như lũ côn trùng kia, chúng đã di trú về một vùng đất nào yên tĩnh hơn. Nhưng liệu có nơi nào gọi là “yên tĩnh hơn” trên hành tinh này. Hình như càng ngày nó càng trở nên ồn ào hơn xưa; và đó cũng là lỗi của chúng ta đã tước đoạt “quyền yên tĩnh” của thế hệ trẻ ngày mai.

(4) Mùa thu trời trở gió heo may lành lạnh làm người ta tự nhiên thấy nhớ nhung một quê hương nào không biết. Vào mùa này, các văn nhân thường mở hội leo núi, mang theo túi thơ bầu rượu lên các đỉnh núi cao mừng tiết “Trùng Cửu”. Núi đó có thể là núi Ngự Bình, núi Kim Phụng hoặc những rừng thông vùng đồi Thiên An, và văn nhân có thể là Bà Huyện Thanh Quan, Tuy Lý Vương, Hàn Mặc Tử. Những văn nhân ngồi uống rượu trên đầu núi, nghe tiếng chuông chùa thánh thót trên thành phố đắm mình trong sương khói; đi thăm núi trở về, băng qua sườn đồi, vó ngựa còn thơm nồng hương cỏ, gọi lũ bướm bay theo. Thơ Tuy Lý Vương nói: “Minh triều sắt mã sơn đầu quá - Ngọa thính tùng thanh ức ngã sầu” (Sáng mai ruổi ngựa lên đầu núi - nghe thông reo chợt nhớ ta buồn).

(5) Một thứ hạnh phúc kéo dài trong nhiều năm tháng thật khó có ở đời; hạnh phúc chỉ tồn tại trong từng khoảnh khắc. Đó là khoảnh khắc mà ta nằm buông mình trên cỏ, ngửa mặt nhìn từng áng mây chẳng biết bay về đâu. Vâng, chính đó là những áng mây mà người đời Đường đã từng thấy: “Bạch vân vô tận thi” (Phau phau mây trắng ngàn năm vẫn còn).

(Trích *Miền cỏ thơm*, Hoàng Phủ Ngọc Tường, NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 2010)

Hoàng Phủ Ngọc Tường (1937–2023) là nhà văn chuyên về bút ký, nổi tiếng với phong cách tài hoa, uyên bác và giàu chất thơ.

Tác phẩm "Miền cỏ thơm" là tùy bút trữ tình, lắng sâu suy tư, khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên, hoài niệm tuổi thơ và tình yêu xứ Huế.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định đề tài của đoạn trích. (0,5 điểm)

Câu 2. Chỉ ra yếu tố phi hư cấu trong đoạn (1). (0,5 điểm)

Câu 3. Phân tác dụng của 01 yếu tố trữ tình trong đoạn trích. (1,0 điểm)

Câu 4. Anh/Chị hiểu như thế nào về câu: chúng ta đã tước đoạt “quyền yên tĩnh” của thế hệ trẻ ngày mai? (1,0 điểm)

Câu 5. Anh/Chị có đồng tình với quan điểm của tác giả: Một thứ hạnh phúc kéo dài trong nhiều năm tháng thật khó có ở đời; hạnh phúc chỉ tồn tại trong từng khoảnh khắc không? Vì sao? (1,0 điểm)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích cảm xúc của nhân vật tôi dành cho quê hương trong văn bản được trích ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn (khoảng 400 chữ) thuyết minh về hiện tượng nhiều người trẻ đang tham gia tích cực các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

----- Hết -----